

SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TỈNH THÁI BÌNH TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

ĐẶNG THỊ TỐ TÂM*

Tóm tắt: Nguồn nhân lực (NNL) ở nông thôn chính là chủ thể quan trọng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp nông thôn tỉnh Thái Bình. Sự phân bố và sử dụng NNL trong nông nghiệp nông thôn đã có những chuyển biến lớn nếu xét trên phương diện cơ cấu lao động, phương thức và hiệu quả sử dụng quỹ thời gian lao động. Tuy nhiên, hiện nay ở Thái Bình tình trạng thiếu việc làm của lao động nông nghiệp nông thôn là khá lớn và có xu hướng gia tăng. Thị trường lao động còn nhiều hạn chế. Bài viết đưa ra một số giải pháp khắc phục nhằm sử dụng hợp lý NNL nông nghiệp nông thôn trong quá trình CNH, HĐH tại tỉnh Thái Bình.

Từ khóa: Nguồn nhân lực; sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn.

1. Khái niệm nguồn nhân lực và sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn

Hiện nay do cách tiếp cận nên có nhiều quan niệm khác nhau về NNL. Nghiên cứu này phù hợp với hướng tiếp cận của nhiều chuyên gia khi cho rằng, NNL "được hiểu là số dân và chất lượng con người bao gồm cả thể chất và tinh thần, sức khỏe và trí tuệ, năng lực, phẩm chất và đạo đức của người lao động. Nó là tổng thể NNL hiện có thực tế và tiềm năng được chuẩn bị sẵn sàng để tham gia phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia hay một địa phương nào đó"⁽¹⁾. NNL của một quốc gia

phổ biến được đánh giá trên hai mặt chủ yếu là số lượng và chất lượng.

Sử dụng NNL là quá trình khai thác khả năng lao động, phát huy khả năng lao động của người lao động làm việc trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Sử dụng hợp lý NNL là việc sử dụng lao động đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn kỹ thuật nhằm khai thác một cách tối ưu nguồn lực của người lao động kết hợp với các nguồn lực tư liệu sản xuất để nâng cao chất lượng của quá trình lao động.

Sử dụng NNL nông nghiệp nông thôn là quá trình khai thác năng lực lao động, phát huy năng lực lao động của người lao động làm việc trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội

* Thạc sĩ, Học viện Chính trị khu vực I.

1 - <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/tu-dien-mo/item/788-nguon-nhan-luc-va-phat-trien>

-nguon-nhan-luc.html

trên địa bàn nông thôn, bao gồm: Sản xuất nông, lâm, thủy sản, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các hoạt động phi nông nghiệp khác diễn ra ở nông thôn.

2. Thực trạng sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn tỉnh Thái Bình trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

2.1. Thực trạng sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn tỉnh Thái Bình về mặt số lượng

Về tỷ lệ lao động có việc làm ở tỉnh Thái Bình

Số lượng, tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm và thất nghiệp ở Thái Bình trong giai đoạn 2010 - 2017 được thể hiện trong 2 bảng dưới đây.

Bảng 1: Tình trạng thất nghiệp trong độ tuổi lao động tại Thái Bình
Đơn vị tính: %

Năm \ Độ tuổi	Năm							
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
15-19	4.3	4.2	6.1	6.3	6.2	5.6	6.5	6.1
20-24	4.2	4.1	6.9	7.4	7.3	6.3	7.8	6.9
25-29	1.9	1.8	2.1	2.8	2.7	1.9	3.1	2
30-34	1	1	1.2	1.3	1.1	1	1.5	1.1
35-39	0.6	0.6	0.8	0.8	0.7	0.6	1	0.7
40-44	0.5	0.5	0.7	0.7	0.6	0.6	0.8	0.7
45-49	0.4	0.4	0.6	0.6	0.5	0.5	0.8	0.6
50-54	0.3	0.3	0.5	0.5	0.4	0.4	0.8	0.5
55-59	0.4	0.4	0.6	0.8	0.7	0.5	1	0.6

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình

Có thể thấy, tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ, đặc biệt trong độ tuổi 20 - 24. Điều này cho thấy, việc sử dụng lao động của Tỉnh còn đang gặp vướng mắc. Mặc dù tỷ lệ lao động

có việc làm ở Thái Bình có sự chuyển dịch từ nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp sang các ngành công nghiệp, chế biến, dịch vụ nhưng số lượng việc làm vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của người lao động.

Bảng 2: Số lượng và cơ cấu lao động có việc làm thường xuyên trong năm 2017 chia theo số ngày làm việc thực tế ở Thái Bình
Đơn vị tính: Người, %

Số ngày làm việc	Số lượng	Tỷ trọng
Tổng số người có việc làm thường xuyên	978628	100
Số người có số ngày làm việc từ 183 đến dưới 200 ngày	73054	7,46
Số người có số ngày làm việc từ 200 đến dưới 240 ngày	396603	40,53
Số người có số ngày làm việc từ 240 đến dưới 280 ngày	331002	33,82
Số người có số ngày làm việc từ 280 đến dưới 320 ngày	140314	14,34
Số người có số ngày làm việc từ 320 ngày trở lên	37655	3,85

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình

Xét trong thời gian ngắn thì mức độ sử dụng lao động về mặt số lượng ở Thái Bình là khá cao. Tuy nhiên, khi xem xét tỷ lệ lao động có đủ việc làm thực tế trong 12 tháng của năm 2017 cho thấy, số lượng lao động có số ngày làm việc từ 240 ngày trở lên chiếm 52,01%; trong đó số người có số ngày làm việc từ 320 ngày trở lên chỉ chiếm 3,85%. Số người lao động có số ngày làm việc dưới 240 ngày chiếm 47,99% nghĩa là bình quân mỗi tháng họ làm việc dưới 20 ngày. Căn cứ vào pháp luật về lao động nước ta, có thể coi những người có số ngày làm việc trong năm từ 240 ngày trở lên là

những người có đủ việc làm, còn những người có số ngày làm việc dưới 240 ngày/năm là những người thiếu việc làm.

2.2. Thực trạng sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn tỉnh Thái Bình về mặt chất lượng

Về lao động làm việc phù hợp với chuyên môn kỹ thuật theo ngành

Qua điều tra lao động – việc làm được tiến hành trên phạm vi toàn Tỉnh có thể thấy, tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn kỹ thuật ở Thái Bình chia theo ngành nghề chưa cao. Đặc biệt với số lượng lao động nông nghiệp nông thôn lớn nhưng tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật phù hợp khá thấp. Nhóm ngành công nghiệp và xây dựng năm 2017 chỉ đạt 66% tỷ lệ lao động có trình độ phù hợp và ngành dịch vụ đạt 85%. Điều này đặt ra cho công tác hướng nghiệp, dạy nghề ở nước ta nói chung, ở Thái Bình nói riêng là phải gắn đào tạo dạy nghề với nhu cầu sử dụng lao động trong nền kinh tế.

Về tỷ lệ lao động có việc làm phù hợp với tình trạng sức khỏe

Kết quả điều tra cho thấy, tỷ lệ này ở Thái Bình tương đối cao. Đối với nhóm ngành, có sự chênh lệch không lớn giữa nhóm ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ (tỷ lệ ở nhóm ngành công nghiệp và xây dựng đạt 87,21%, ngành dịch vụ đạt 86,32% năm 2017). Nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tỷ lệ này là thấp nhất với 76% năm 2017. Trong số lao động có việc làm không phù hợp với tình trạng sức khỏe thuộc nhóm ngành công nghiệp và xây dựng, chủ yếu là làm việc trong ngành xây dựng, sản xuất cơ khí. Số

lao động có việc làm không phù hợp với tình trạng sức khỏe thuộc nhóm ngành dịch vụ chủ yếu là bốc vác.

Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm phù hợp với tình trạng sức khỏe ở khu vực thành thị cao hơn so với khu vực nông thôn. Sự chênh lệch về tỷ lệ này giữa 2 khu vực là khá lớn; ở khu vực nông thôn đạt 81,24% và khu vực thành thị là 94,6%.

Về năng suất lao động của Thái Bình chia theo ngành kinh tế

Một là, năng suất lao động xã hội trong nhóm ngành nông, lâm và thủy sản ở Thái Bình tăng qua các năm, từ 19,48 triệu đồng năm 2010 đến 42,41 triệu đồng năm 2017. Điều này cho thấy, chủ trương, chính sách của Tỉnh về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp, về phát triển kinh tế biển đã được nhân dân hưởng ứng, tích cực thực hiện và đạt kết quả tốt. Năng suất lao động xã hội trong nhóm ngành nông, lâm và thủy sản ở Thái Bình tăng cao vừa do GDP của ngành tăng, vừa do lao động làm việc trong ngành giảm. Như vậy, việc chuyển lao động nông nghiệp sang phát triển các ngành khác ở Thái Bình trong những năm qua không ảnh hưởng đến phát triển sản xuất nông nghiệp của Tỉnh. Năng suất này cũng cao hơn mức bình quân chung cả nước, phản ánh trình độ thâm canh, trình độ phát triển sản xuất nông nghiệp ở Thái Bình cao hơn mức bình quân chung cả nước. Mặt khác, phản ánh điều kiện tự nhiên ở Thái Bình khá thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Có thể đánh giá mức độ sử dụng nguồn lao động về mặt chất lượng trong nhóm ngành nông, lâm thủy sản ở Thái Bình đang được nâng lên.

Bảng 3: Năng suất lao động theo ngành kinh tế

Theo ngành	Đơn vị	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Triệu đồng	19.48	26.40	26.25	26.60	29.71	32.55	35.88	42.41
Công nghiệp và Xây dựng	Triệu đồng	23.89	30.71	33.28	36.26	41.83	45.68	53.22	51.20
Dịch vụ	Triệu đồng	57.80	67.23	67.01	78.15	82.85	87.86	97.11	81.44

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình

Hai là, năng suất lao động xã hội trong nhóm ngành công nghiệp và xây dựng, ngành dịch vụ ở Thái Bình trong những năm qua tăng trưởng mạnh. So với năm 2010, ngành công nghiệp và xây dựng có năng suất lao động tăng từ 23,89 triệu lên 51,2 triệu đồng; ngành dịch vụ tăng từ 57,8 triệu lên 81,44 triệu đồng. Năng suất lao động xã hội chung toàn Tỉnh chịu ảnh hưởng của năng suất lao động xã hội từng nhóm ngành. Nhưng do tỷ trọng của nhóm ngành nông, lâm và thủy sản cao hơn các nhóm ngành khác nên mức độ ảnh hưởng của năng suất lao động xã hội nhóm ngành này đến năng suất lao động xã hội chung toàn Tỉnh là rất lớn. Vì vậy, để nâng cao năng suất lao động xã hội chung toàn Tỉnh phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, tiếp tục giảm mạnh lao động nông nghiệp, nâng cao hiệu quả của sản xuất công nghiệp.

2.3. Đánh giá chung

Những thành công

Dưới tác động của nhiều nhân tố, cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn tỉnh Thái Bình đã có những thay đổi nhất định. Có thể đánh giá động thái biến đổi của cơ cấu

lao động nông nghiệp nông thôn cũng như việc sử dụng NNL trong khu vực này trên những mặt chủ yếu sau:

- Sự phân bố và sử dụng NNL trong nông nghiệp nông thôn đã có những chuyển biến lớn nếu xét trên phương diện cơ cấu lao động, phương thức và hiệu quả sử dụng quỹ thời gian lao động. Sự đa dạng hóa ngành nghề đã dẫn tới sự đa dạng hóa trong cơ cấu lao động nông thôn. Ở nhiều vùng nông thôn đã có từ 30 - 50% lao động tham gia vào các hoạt động kinh tế ngoài nông nghiệp. Những sự chuyển biến này tuy còn chậm nhưng bước đầu đã thể hiện xu hướng vận động tích cực trong cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn và góp phần đáng kể vào sự gia tăng thu nhập của các hộ gia đình nông thôn.

- Trong 5 năm qua, việc cơ cấu lại sản xuất nội bộ ngành nông, lâm và thủy sản được thể hiện qua số lượng và hiệu quả của các hình thức tổ chức sản xuất năm 2016 đã có sự thay đổi so với năm 2011: Số hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 63,5 nghìn hộ, tương đương giảm tỷ lệ hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản 13,8 điểm phần trăm; mô hình tổ chức sản xuất trang trại đã

thể hiện rõ hiệu quả sản xuất hơn hẳn so với kinh tế hộ gia đình, tổng số trang trại năm 2016 là 969 trang trại, tăng 85%; tổng số doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản không kể hợp tác xã nông nghiệp là 29 doanh nghiệp, số doanh nghiệp nông nghiệp và thủy sản tăng nhiều, nhất là các doanh nghiệp trong ngành chăn nuôi bước đầu đã thể hiện hiệu quả của sản xuất lớn hàng hóa trong nông nghiệp với việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

Những tồn tại và hạn chế

Một là, hầu hết lực lượng lao động làm việc trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản không được đào tạo, chủ yếu vẫn là những lao động thủ công, đơn giản, làm theo kinh nghiệm và kiến thức tự học tập lẫn nhau, tự tích lũy nên năng suất và chất lượng, hiệu quả lao động rất thấp.

Hai là, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm của lao động trong khu vực này rất lớn và có xu hướng ngày càng gia tăng.

Ba là, sự hoạt động yếu kém của thị trường lao động, biểu hiện rõ nhất là sự mất cân đối trong quan hệ cung - cầu lao động (không chỉ về mặt số lượng mà đặc biệt là về mặt chất lượng với sự thiếu hụt của lực lượng lao động có trình độ kỹ thuật cao).

Bốn là, trong thời gian qua năng suất lúa, hoa màu đều tăng cùng với sự nỗ lực của người dân nhưng năng suất lao động nông nghiệp lại tăng rất chậm. Thu nhập của dân cư nông thôn rất thấp, tình trạng nghèo đói tuy có giảm nhưng vẫn còn hiện diện trong đa số các vùng ở khu vực nông thôn tỉnh Thái Bình.

3. Giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại tỉnh Thái Bình

3.1. Nhóm giải pháp về tổ chức tốt thị trường lao động nhằm gắn kết cung và cầu

Trong thực tế không phải lúc nào người sử dụng lao động cũng trực tiếp tìm được số lượng và chất lượng lao động đáp ứng đúng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Và người lao động muốn tìm được việc làm cũng cần thông qua các kênh giao dịch về việc làm như trung tâm dịch vụ việc làm, các phương tiện thông tin, chợ lao động... Với số lượng lao động lớn như tỉnh Thái Bình, nếu tổ chức tốt thị trường lao động sẽ là một giải pháp thúc đẩy nhanh được giao dịch giữa người lao động và người sử dụng lao động. Để tổ chức tốt được thị trường lao động, Tỉnh cần chú trọng một số vấn đề sau:

Một là, Tỉnh cần hình thành bộ máy quản lý thị trường lao động, tổ chức đại diện cho người lao động và người sử dụng lao động. Bộ máy quản lý làm chức năng tổ chức theo hệ thống từ tỉnh xuống huyện, xã.

Hai là, với các trung tâm dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp xuất khẩu lao động, tuyển chọn lao động đưa đi làm việc ở nước ngoài hay trong các khu công nghiệp cần quy định rõ trách nhiệm. Khi lao động kết thúc hợp đồng trở về nước, thì cơ quan quản lý thị trường cần tiếp nhận và giới thiệu việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, tay nghề mà họ có nếu người lao động có nhu cầu.

Ba là, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm. Tỉnh cần lên danh sách, quy hoạch lại hệ thống mạng lưới các trung tâm việc làm để tạo sự cạnh tranh nhưng tránh lãng phí không cần thiết.

Bốn là, hàng năm Tỉnh nên tổ chức các hoạt động như hội chợ việc làm để người lao động và người sử dụng lao động có cơ hội tiếp xúc trực tiếp, giúp hai bên tìm được đúng nhu cầu của mình. Người lao động tìm được loại công việc và mức tiền công mong muốn, đồng thời cũng cung cấp thông tin cho việc đào tạo nghề tại Tỉnh tới những người lao động tiềm năng.

3.2. Nhóm giải pháp về điều tiết nguồn lao động

3.2.1. Điều tiết phát triển số lượng lao động

Mục tiêu của nhóm giải pháp này là phát triển số lượng lao động để đảm bảo đủ số lượng thay thế những người hết tuổi lao động; hạn chế tăng cung vượt quá cầu về người lao động. Để thực hiện được mục tiêu này, tỉnh Thái Bình cần chú trọng vào các vấn đề về thực hiện tốt sinh đẻ có kế hoạch, chăm sóc sức khỏe cho người dân và di chuyển dân số, cụ thể:

Một là, Tỉnh cần thực hiện tốt chiến lược dân số, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về dân số, sinh đẻ có kế hoạch, đặc biệt cho các nhóm đối tượng nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên, tập trung vào các xã ven biển có tỷ lệ sinh còn cao, các vùng đồng bào công giáo...

Hai là, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em, đảm bảo sinh con khỏe, được tiêm chủng đầy đủ, phòng chống suy dinh dưỡng; tăng cường dịch vụ y tế cho trẻ em để đảm bảo điều trị có hiệu quả các bệnh dễ mắc và gây tử vong cao ở trẻ nhỏ, hạn chế trẻ chết sơ sinh và bệnh tật ở mức thấp nhất.

3.2.2. Điều tiết lao động đi làm việc ở tỉnh ngoài và ra nước ngoài

- Đưa lao động đi làm việc ở tỉnh ngoài

Tỉnh cần phát triển chú trọng vào việc đưa người lao động đi làm việc tại khu công nghiệp ở các tỉnh trong nước. Để làm được điều này, Tỉnh cần chủ động nắm được thông tin về nhu cầu từng loại lao động ở các khu công nghiệp trong nước qua mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm, các trường dạy nghề và ban quản lý khu công nghiệp. Tỉnh cần đẩy mạnh công tác hướng nghiệp phân luồng cho học sinh từ trung học cơ sở, trung học phổ thông để tuyển chọn và đào tạo nghề với từng loại lao động cho phù hợp. Khi đưa người đi lao động ở tỉnh ngoài, cần hình thành các nhóm lao động và có người quản lý để hỗ trợ, hướng dẫn cho nhau, đặc biệt là cho các tỉnh ở phía Nam.

- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động

Một trong những việc làm cần thiết của tỉnh Thái Bình là rà soát các công ty xuất khẩu lao động, xem xét cho hoạt động những công ty có hiệu quả, công khai chi phí và thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng với người lao động; các công ty này có thể được tuyển chọn lao động phù hợp ngay tại xã, phường, thị trấn. Việc kết hợp giữa tổ chức quản lý thị trường lao động và các doanh nghiệp xuất khẩu lao động cũng cần chú trọng để đảm bảo tuyển chọn được lao động có chuyên môn kỹ thuật, có sức khỏe và kỷ luật.

Bên cạnh đó, xuất khẩu lao động có chuyên môn kỹ thuật sẽ mang lại hiệu quả cao hơn so với xuất khẩu lao động phổ thông. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần khảo sát thị trường xác định nhu cầu từng loại lao động theo chuyên môn để cung cấp thông tin cho các trường dạy nghề, cũng như tại các hội chợ việc làm của Tỉnh hàng năm sẽ thông báo các kế hoạch, chiến lược

đào tạo nghề và việc làm tới người lao động tham dự. Nhấn mạnh vào hoạt động đào tạo ngoại ngữ cho người lao động đảm bảo cho họ có khả năng giao tiếp thông thường khi ở nước ngoài; nắm được phong tục tập quán và những quy định quản lý liên quan đến pháp luật, các quyền lợi và yêu cầu đối với người lao động khi ở nước sở tại; giúp nâng cao uy tín của lao động Việt Nam trên thị trường lao động quốc tế.

3.2.3. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn lao động

Để thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, nguồn lực lao động không những phải dồi dào mà cần phải nâng cao chất lượng nguồn lao động nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực này, phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

- Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh.

- Tăng cường các khóa đào tạo, bồi dưỡng các nhà doanh nghiệp, nhà quản lý sản xuất.

- Phát triển giáo dục phổ thông tạo nền tảng cho nhân lực tương lai.

Tóm lại, sự nghiệp CNH, HĐH đất nước những năm qua đã tạo nên những thay đổi quan trọng đối với khu vực nông thôn cả nước nói chung và nông thôn ở Thái Bình nói riêng. NNL ở nông thôn chính là chủ thể trực tiếp thực hiện quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. NNL này là những người tiếp thu và ứng dụng những tri thức, thành tựu của khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào phát triển sản xuất. Do vậy, giải quyết việc làm, sử dụng một cách có hiệu quả và phát huy vai trò to lớn của lực lượng

lao động ở nông thôn là vấn đề sống còn có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn. Tháo gỡ những vấn đề về thị trường lao động, về điều tiết nguồn lao động trong Tỉnh và xuất khẩu lao động luôn được các cấp uỷ đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh Thái Bình quan tâm để thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Thống kê tỉnh Thái Bình: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*, Nxb Thống kê.

2. Hoàng Văn Phai: *"Đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở nước ta hiện nay: Vấn đề cần quan tâm"*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 3-2011.

3. Nguyễn Thị Thơm, Phí Thị Hằng (đồng chủ biên): *Giải quyết việc làm cho lao động trong quá trình đô thị hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

4. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2017*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2017.

5. Vũ Bá Thê: *"Phát huy nguồn lực con người để công nghiệp hóa, hiện đại hóa: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam"*, Nxb Lao động - Xã hội, 2005.

6. Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Báo cáo tổng hợp Đề án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, 2013.